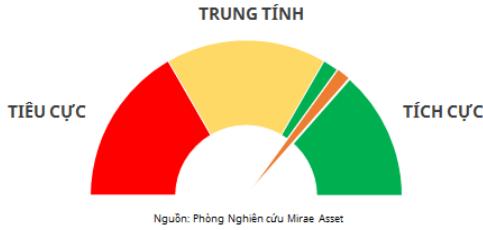


Thang đo sức mạnh thị trường



13 Tháng Tám 2021

Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeasset.com.vn

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,357.05	1.16	4.59	58.71
HNX	336.96	3.53	13.57	188.32
UPCOM	92.17	4.41	7.98	62.11
MSCI EM	1,290.91	-0.13	-3.63	17.76
NIKKEI	27,977.15	0.90	-2.58	20.33
HANG SENG	26,391.62	0.81	-5.62	4.60
KOSPI	3,171.29	-3.03	-3.06	30.10
FTSE	7,216.94	1.32	1.29	16.67
S&P 500	4,460.83	0.72	2.10	32.23
NASDAQ	14,816.26	-0.53	0.94	34.17

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	16.54	2.65	16.24
SET INDEX	23.55	1.62	7.01
JCI INDEX	N/A	2.08	-7.84
PCOMP INDEX	20.97	1.53	7.53

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1W (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-50
5 năm	0.90	-9	-17	-83
10 năm	2.09	0	-8	-80

Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	22,814	0.53	0.87	1.59
US\$/KRW	1,169	-2.29	-2.02	1.23
US\$/JPY	110	0.00	0.34	-3.01
US\$/EUR	0.85	0.20	0.33	0.65
US\$/GBP	0.72	0.51	0.08	-5.33
US\$/SGD	1.36	-0.28	-0.24	1.05

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	945	756	586
HNX	146	110	82
UPCOM	76	47	36

Định giá VN-INDEX: P/E 10 năm lịch sử



Nhận định thị trường

Diễn biến rung lắc xuất hiện, VN-Index có nhịp điều chỉnh sau khi chạm mốc 1.370

Sau phiên đầu tuần trong diễn biến tích cực với mức tăng hơn 18 điểm, NĐT đã kỳ vọng có thể thấy ngưỡng 1.400 trong tuần, tuy nhiên đến giữa tuần, chỉ số đã gặp cản khá khó khăn tại 1.370. Diễn biến chốt lại đã đẩy VN-Index lùi về vùng 1.335 – 1.340 và tại đây, lực cầu đã trở lại giúp chỉ số có phiên hồi phục ấn tượng vào cuối tuần. Chốt tuần tại 1.357,05, VN-Index tiếp tục tăng 15,6 điểm trong tuần, tương ứng mức tăng 1,1%.

Nhóm Bất động sản là điểm sáng của thị trường trong tuần, VHM trở thành cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến VN-Index với mức ảnh hưởng +5,4 điểm, DIG là cổ phiếu BĐS khác trong top 10 cổ phiếu ảnh hưởng với mức tăng 17% đã giúp VN-Index tăng 0,5 điểm. Nhóm ngân hàng đóng góp với 3 đại diện trong là VPB (+2 điểm), VCB (+1,5 điểm) và TCB (+0,4 điểm). Chiều ảnh hưởng xấu, VIC đã giảm 2,1% trong tuần kéo VN-Index giảm 2,2 điểm.

Khối ngoại quay đầu bán ròng hơn 2.200 tỷ đồng trong tuần, được biết diễn biến này đến từ việc quỹ ETF Fubon đang bị rút vốn liên tục từ đầu tuần (10/08) đến nay. SSI là cổ phiếu bị bán ròng mạnh nhất với giá trị bán ròng hơn 960 tỷ đồng, tiếp đến là VIC bị bán ròng hơn 270 tỷ đồng. VHM là mã dẫn đầu chiều mua ròng với giá trị mua ròng của khối ngoại đạt 680 tỷ đồng.

Diễn biến rung lắc tại ngưỡng 1.370 được đánh giá là diễn biến tích cực hơn so với dự báo của chúng tôi, trong tuần thanh khoản thị trường đã cải thiện và duy trì trên 20.000 tỷ đồng khớp lệnh trên HSX trong cả 5 phiên. Diễn biến tăng thanh khoản là diễn biến lạc quan về dòng tiền của thị trường, là hỗ trợ tin cậy cho VN-Index tiếp tục diễn biến tăng điểm, hướng đến mốc 1.400. Điểm số Kỹ thuật ngắn hạn của Mirae Asset đang ở mức **+4 (KHẢ QUAN)**.

Phạm Bình Phương, Analyst, 84-8-39102222, phuong.pb@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	4	KHẢ QUAN
VN30	2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	3	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	4	KHẢ QUAN
Shanghai Composite	6	KHẢ QUAN
Kospi	-7	TIÊU CỰC
Nikkei 225	6	KHẢ QUAN
FTSE 100 (EU)	7	KHẢ QUAN
Dow Jones	7	KHẢ QUAN

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thị trường trái phiếu:

- Trong tuần, KBNN đã huy động thành công 9.514 tỷ đồng TPCP, đạt tỷ lệ 86,5% trên tổng lượng phát hành lần đầu và phát hành bổ sung, tỷ lệ Chào mua/ gọi thầu tăng lên mức 3,9 lần, từ mức 2,6 lần của tuần trước. Cụ thể, kỳ hạn 7 năm phát hành thành công 750 tỷ đồng tại mức lợi suất 1,25% (-7bps); Kỳ hạn 10 năm phát hành thành công toàn bộ 2.000 tỷ đồng tại mức lợi suất 2,1% (-3bps); Kỳ hạn 15 năm phát hành thành công toàn bộ 4.500 tỷ đồng tại mức lợi suất 2,32% (-2bps) và kỳ hạn 30 năm phát hành thành công 2.264/ 3.750 tỷ đồng tại mức lợi suất 3,01% (-4bps)
- Tuần sau vào ngày 18/08 KBNN sẽ tổ chức đấu thầu 7.000 tỷ đồng TPCP tại các kỳ hạn: (1) Kỳ hạn 5 năm có giá trị 1.000 tỷ đồng; (2) Kỳ hạn 10 năm có giá trị 2.000 tỷ đồng; (3) Kỳ hạn 15 năm có giá trị 3.000 tỷ đồng và (4) kỳ hạn 20 năm có giá trị 1.000 tỷ đồng.

Nguồn: Bộ phận phân tích Mirae Asset, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính.

Thị trường tiền tệ:

- Lãi suất liên ngân hàng:** Trong tuần 04/08 – 11/08, lãi suất liên ngân hàng các kỳ hạn ngắn đã giảm so với tuần trước, cụ thể kỳ hạn O/N giảm 10bps về 0,83%, 1 tuần giảm 13bps về 1,01% và 2 tuần giảm 14bps về 1,14%, ngoài ra kỳ hạn 3 tháng cũng giảm 11bps về 1,71%. Trong khi đó kỳ hạn 1 tháng và 6 tháng đã tăng lần lượt 8bps và 39bps lên các mức 1,43% và 3,45%.
- Tỷ giá VND/USD tại ngày 13/08/21 của NHNN đã giảm 0,095% so với cuối tuần trước, về mức 23.145 VND/USD. Tỷ giá NHTM biến động cùng chiều, ghi nhận mức giảm lần lượt 0,526% và 0,521% ở chiều mua và chiều bán về mức 22.680 – 23.910 VND/USD. Trong khi đó, tỷ giá tự do đã giảm 0,13% chiều mua và bán về mức 23.125 – 23.235 VND/USD.

Nguồn: Bộ phận phân tích Mirae Asset, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Vietcombank

Bản tin thị trường

Phân tích kỹ thuật

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	4	KHẢ QUAN
VN30	2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	3	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	4	KHẢ QUAN

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIẾU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (02/07/2021)	1,357.05	Kháng cự 1 1.370
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Tăng	Kháng cự 2 1.400
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Tăng	Hỗ trợ 1 1.350
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2 1.300

VN-Index đã chinh phục thành công ngưỡng 1.350 và ngưỡng này đã trở thành mốc hỗ trợ của chỉ số trong nhịp điều chỉnh vào cuối tuần. Thanh khoản trong tuần cũng cải thiện giúp củng cố thêm cơ hội tiếp tục tăng điểm đến mốc 1.400 của VN-Index. Xu hướng ngắn hạn và trung hạn của chỉ số được chúng tôi đánh giá là Tăng. Điểm số kỹ thuật ngắn hạn của Mirae Asset đang ở mức **+4 (KHẢ QUAN)**.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Fireant

Nhận định phái sinh

Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (06/08/2021)	1,485	Kháng cự 1 1.500
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	KHẢ QUAN	Kháng cự 2 1.520
VN30 - đóng cửa	1.484	Hỗ trợ 1 1.480
Chênh lệch VN30F1M & VN30	+0.75	Hỗ trợ 2 1.450

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	4	KHẢ QUAN
VN30F1M (chart 60 phút)	1	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart ngày)	2	TRUNG TÍNH

VN30F1M có sự phục hồi tích cực về gần ngưỡng hỗ trợ 1,470 điều này giúp cho chỉ số này vẫn giữ được xu hướng tăng điểm của mình. Vì vậy chúng tôi cho rằng nhà đầu tư có thể mở vị thế mới ở quanh vùng giá hỗ trợ với chiến lược sau:

Chiến lược 1 (Short)	Điểm số	Chiến lược 2 (Long)	Điểm số
+ Short	n/a	+ Long	1,475
+ Stop loss (Cắt lỗ)	n/a	+ Stop loss (Cắt lỗ)	1,468
+ Take profit (Chốt lời)	n/a	+ Take profit (Chốt lời)	1,510

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (đồ thị ngày)



Nguồn: Fiinpro

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(KVNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	17.35	6,093,875	4	KHẢ QUAN	5,149	12.9	1.1
ACB	35.35	11,195,500	2	TRUNG TÍNH	95,514	9.9	2.4
ASM	15.6	3,488,725	7	KHẢ QUAN	4,038	10.0	0.9
BCG	16.4	3,102,710	4	KHẢ QUAN	4,880	5.2	1.3
BID	42.55	2,044,410	2	TRUNG TÍNH	171,137	17.2	2.1
BSR	19.2	15,154,265	0	TRUNG TÍNH	59,530	#N/A N/A	1.9
BVH	54.4	821,590	6	KHẢ QUAN	40,382	22.4	1.9
CII	18.65	2,066,940	7	KHẢ QUAN	4,455	269.9	0.9
CTG	34.3	15,820,915	4	KHẢ QUAN	164,837	10.1	1.8
CTR	82	977,895	-4	TIÊU CỰC	7,620	27.3	7.2
DBC	58	1,813,410	5	KHẢ QUAN	6,684	5.4	1.4
DCM	23.45	6,021,690	0	TRUNG TÍNH	12,414	20.4	2.0
DDV	15.7	2,593,815	0	TRUNG TÍNH	2,294	80.5	1.8
DGC	98	1,516,960	-4	TIÊU CỰC	16,766	16.7	3.8
DGW	159.7	390,030	2	TRUNG TÍNH	7,059	17.3	5.1
DIG	34	10,447,635	7	KHẢ QUAN	13,936	18.6	2.9
DPG	40	1,158,460	7	KHẢ QUAN	2,520	8.2	2.1
DPM	34.75	4,902,450	2	TRUNG TÍNH	13,599	12.0	1.6
DRC	34.2	2,916,140	2	TRUNG TÍNH	4,063	11.9	2.4
DXG	22.85	5,830,025	4	KHẢ QUAN	11,843	14.4	1.4
FIT	17.8	7,530,545	7	KHẢ QUAN	4,534	32.8	1.4
FLC	11.2	18,663,360	2	TRUNG TÍNH	7,952	4.4	0.8
FPT	95	4,094,755	-4	TIÊU CỰC	86,210	22.4	5.1
FRT	42	3,799,930	1	TRUNG TÍNH	3,317	49.8	2.6
GAS	93	873,730	0	TRUNG TÍNH	177,997	22.8	3.8
GEX	23.6	5,208,680	2	TRUNG TÍNH	18,436	13.3	1.4
GIL	70	556,000	4	KHẢ QUAN	2,520	5.9	1.7
GMD	49	4,232,020	0	TRUNG TÍNH	14,768	36.1	2.4
GVR	34.8	5,199,990	2	TRUNG TÍNH	139,200	29.0	2.9
HAH	55.5	2,047,655	-2	TRUNG TÍNH	2,630	12.5	2.3
HBC	15.6	4,359,525	7	KHẢ QUAN	3,602	24.6	1.0
HCM	52.9	5,886,725	5	KHẢ QUAN	16,137	18.2	3.4
HDB	34.75	2,907,750	2	TRUNG TÍNH	55,383	10.5	2.1
HDC	66.5	1,136,785	6	KHẢ QUAN	5,529	18.8	4.4
HDG	59.9	3,253,900	5	KHẢ QUAN	9,802	13.8	2.8
HHV	19.7	2,617,295	7	KHẢ QUAN	5,267	33.8	0.8
HNG	7.44	9,521,780	0	TRUNG TÍNH	8,248	#N/A N/A	1.0
HPG	48.65	26,023,050	4	KHẢ QUAN	217,608	8.7	2.9
HSG	37.5	12,296,255	0	TRUNG TÍNH	18,341	4.8	1.9
IDC	36	1,974,550	2	TRUNG TÍNH	10,800	21.3	2.8
IJC	27.75	6,988,210	5	KHẢ QUAN	6,024	7.9	1.9
ITA	6.53	6,622,280	4	KHẢ QUAN	6,127	31.0	0.6
KBC	35.8	9,402,855	4	KHẢ QUAN	16,817	20.0	1.6
KDC	61.3	2,145,415	-4	TIÊU CỰC	14,022	31.3	2.4
KDH	41.8	5,626,695	0	TRUNG TÍNH	26,045	21.2	3.0
KSB	30	1,873,720	4	KHẢ QUAN	2,199	10.1	1.3
LCG	14.7	3,279,955	5	KHẢ QUAN	1,694	4.7	0.9
LPB	25	8,406,145	2	TRUNG TÍNH	30,090	11.3	1.9
MBB	29.6	14,336,845	2	TRUNG TÍNH	111,838	10.7	2.1
MBS	32.5	3,174,915	5	KHẢ QUAN	8,697	17.3	2.8
MSN	133.5	1,415,480	-5	TIÊU CỰC	157,601	74.7	7.4
MWG	171	1,132,530	0	TRUNG TÍNH	81,271	17.8	4.5

NAF	32	1,511,995	-4	TIÊU CỰC	1,522	26.1	2.4
NDN	23.5	1,718,480	7	KHẢ QUAN	1,684	4.7	1.5
NKG	39.35	6,908,380	4	KHẢ QUAN	7,162	4.8	1.5
NLG	43.45	4,051,160	-4	TIÊU CỰC	12,395	11.1	1.9
NTL	35.2	2,215,795	7	KHẢ QUAN	2,147	7.0	1.9
NVB	29.2	3,596,835	7	KHẢ QUAN	11,879	142.4	2.7
NVL	103.5	2,764,360	-5	TIÊU CỰC	152,518	28.8	4.5
PAN	32.2	2,077,520	5	KHẢ QUAN	6,726	30.4	1.8
PC1	31.75	1,344,935	7	KHẢ QUAN	6,070	13.2	1.5
PDR	91.6	3,007,655	-3	TRUNG TÍNH	44,588	31.6	8.0
PET	26.5	2,859,395	5	KHẢ QUAN	2,215	13.8	1.5
PLX	52.9	1,597,960	4	KHẢ QUAN	65,798	17.1	2.7
PNJ	94.5	561,125	2	TRUNG TÍNH	21,486	16.2	3.8
POW	11.3	8,175,690	4	KHẢ QUAN	26,463	10.4	0.9
PTB	99.8	469,120	0	TRUNG TÍNH	4,850	11.2	2.4
PVD	19.5	6,240,230	4	KHẢ QUAN	8,212	711.1	0.6
PVS	26.2	11,294,625	2	TRUNG TÍNH	12,523	22.6	1.0
PVT	22	4,114,675	5	KHẢ QUAN	7,120	9.4	1.5
ROS	5.3	10,799,960	2	TRUNG TÍNH	3,008	16.4	0.5
SBS	13.6	3,349,455	4	KHẢ QUAN	1,723	1,499.4	8.3
SBT	20.1	2,940,290	4	KHẢ QUAN	12,405	18.8	1.6
SCR	11.3	9,380,775	4	KHẢ QUAN	4,140	14.1	0.9
SHB	29	14,618,365	4	KHẢ QUAN	55,841	14.9	2.1
SHS	49.5	6,565,870	7	KHẢ QUAN	10,260	9.6	2.4
SMC	47	1,317,915	-2	TRUNG TÍNH	2,863	3.0	1.3
SSI	59	14,283,845	4	KHẢ QUAN	38,640	20.9	3.4
STB	29.7	27,645,636	-2	TRUNG TÍNH	55,991	15.5	1.8
SZC	47.5	1,664,765	7	KHẢ QUAN	4,750	19.0	3.6
TCB	52.2	16,987,104	4	KHẢ QUAN	182,956	11.3	2.2
TCH	19.4	6,429,205	4	KHẢ QUAN	7,744	8.9	1.3
TNG	25.5	2,471,005	7	KHẢ QUAN	2,028	11.2	1.6
TPB	36.4	6,102,490	4	KHẢ QUAN	39,009	8.7	1.9
VCB	99.6	1,513,465	6	KHẢ QUAN	369,404	18.0	3.5
VCI	57	5,423,370	4	KHẢ QUAN	18,981	16.5	3.6
VCS	120.9	434,650	-4	TIÊU CỰC	19,344	12.3	4.6
VGt	19.2	3,265,580	7	KHẢ QUAN	9,600	33.7	1.6
VHC	45.1	1,591,200	5	KHẢ QUAN	8,206	11.2	1.5
VHM	120	5,552,030	7	KHẢ QUAN	394,742	12.1	4.1
VIB	40.8	1,554,275	1	TRUNG TÍNH	63,368	10.9	3.0
VIC	110.9	2,469,145	0	TRUNG TÍNH	375,112	58.4	4.2
VIX	22.5	3,056,700	2	TRUNG TÍNH	2,874	4.1	1.3
VJC	118	527,860	4	KHẢ QUAN	63,910	406.7	3.8
VND	51.4	9,653,345	2	TRUNG TÍNH	22,052	10.3	2.3
VNM	89.9	3,328,485	4	KHẢ QUAN	187,887	19.7	5.9
VOS	13.15	3,193,060	5	KHẢ QUAN	1,841	12.1	3.8
VPB	63.6	10,160,165	7	KHẢ QUAN	156,122	12.6	2.6
VPG	49.95	845,795	3	TRUNG TÍNH	2,154	6.2	2.8
VRE	28	5,095,985	2	TRUNG TÍNH	63,625	23.4	2.1

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Fitch Solutions: Giá quặng sắt có thể xuống tới 75 USD/tấn vào năm 2025

Cơ quan xếp hạng tín dụng Fitch Solutions của Mỹ nhận định đã tăng giá quặng sắt bắt đầu có dấu hiệu suy yếu và xu hướng này tiếp tục diễn ra trong những tháng tới.

Fitch Solutions lý giải sức cầu từ các nhà sản xuất thép Trung Quốc ổn định trong nửa đầu năm khi các dự án xây dựng liên quan đến chính sách kích cầu của chính phủ đã hoàn thành và số công trình mới giảm dần, khiến giá quặng sắt có xu hướng giảm.

Hồi đầu tháng 8, giá quặng sắt trên các sàn giao dịch quốc tế còn khoảng 175 USD/tấn so với mức cao kỷ lục 239 USD/tấn hồi tháng 5. Cơ quan này nhận định giá quặng có thể giảm xuống 170 USD/tấn vào cuối năm nay, 130 USD/tấn vào 2022, 100 USD/tấn vào 2023 và có thể chỉ còn 75 USD/tấn vào năm 2025.

Tắc nghẽn nghiêm trọng tại hai cảng container hàng đầu Trung Quốc

Tình trạng tắc nghẽn ở hai cảng container hàng đầu Trung Quốc là Thượng Hải và Ninh Ba đang trở nên tồi tệ hơn sau khi các nhà chức trách tạm thời đóng cửa một nhà ga của cảng biển Ninh Ba-Chu San do phát hiện một nhân viên mắc Covid-19.

Các biện pháp hạn chế chặt chẽ hơn để ngăn chặn đợt bùng phát dịch Covid-19 mới nhất của Trung Quốc đang bắt đầu ảnh hưởng tới nhiều lĩnh vực của nền kinh tế. Kể từ cuối tháng 7, quốc gia đông dân nhất thế giới này phát hiện biến thể Delta lây lan tại hơn một chục thành phố.

Theo công ty phân tích dữ liệu tài chính Refinitiv (Anh), ngày 11/8, có đến 40 tàu container vẫn đang chờ đợi tại khu neo đậu bên ngoài thành phố biển Chu San, tăng so con số 30 tàu của ngày 10/8, sau khi một nhân viên tại nhà ga Meishan của cảng Ninh Ba-Chu San có kết quả xét nghiệm dương tính với virus SARS-CoV-2.

Nhà ga Meidong tạm ngừng mọi hoạt động kể từ đầu ngày 11/8, trong khi các nhà ga khác tại cảng Ninh Ba áp dụng các biện pháp hạn chế số lượng người và hàng hóa ra vào khu vực cảng.

Các hãng thép Nhật bắt đầu phục hồi lợi nhuận do nhu cầu thế giới tăng cao

Hãng sản xuất thép lớn thứ hai của Nhật Bản, JFE Holdings, ngày 12/8 nâng gấp đôi dự báo lợi nhuận ròng cả tài khóa hiện nay, tương tự hãng sản xuất thép Nippon Steel và Kobe Steel thông báo nâng dự báo lợi nhuận cho tài khóa 2021-2022 vào cuối tuần qua.

JFE dự kiến lãi ròng 240 tỷ yen (2,2 tỷ USD), mức cao nhất kể từ tài khóa 2007-2008, tăng hơn 110 tỷ yen so với ước tính đưa ra trong tháng Năm và trái ngược với khoản lỗ 21,9 tỷ yen trong cùng kỳ tài khóa trước.

Phó Chủ tịch điều hành JFE Masashi Terahata nói: "Nhu cầu thép dự kiến sẽ tiếp tục phục hồi dần cho đến tháng 3/2022".

Gia hạn hơn 67.000 tỷ đồng tiền thuế, thuê đất hỗ trợ doanh nghiệp gặp khó khăn do Covid-19

Nghị định 52/2021/NĐ-CP gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp (DN), thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2021 được xem là "liều thuốc trợ lực" giúp DN, hộ kinh doanh giảm bớt khó khăn trong bối cảnh chịu nhiều ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19, thời hạn nộp đơn gia hạn là ngày 31/7.

Theo đánh giá của Bộ Tài chính, dự kiến tổng số thuế và tiền thuê đất được gia hạn theo chính sách giãn, hoãn thời hạn nộp thuế tại Nghị định 52 là 115.000 tỷ đồng.

Về kết quả triển khai, theo số liệu hệ thống quản lý thuế tập trung (TMS), đến ngày 6/8, có 137.118 đơn đề nghị gia hạn. Trong đó, có 118.143 DN, tổ chức và 18.975 cá nhân được gia hạn với tổng số thuế, tiền thuê đất được gia hạn là 67.194 tỷ đồng (thấp hơn so với tính toán ban đầu của Bộ Tài chính).

Nhiều giải pháp đảm bảo lưu thông hàng hóa, hoạt động xuất nhập khẩu

Cụ thể, Bộ GTVT đã chỉ đạo Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Cục Hàng hải Việt Nam, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Cục Y tế GTVT và Sở GTVT các tỉnh, thành phố phối hợp với các cơ quan, đơn vị của các Bộ: Y tế, Công an, Công Thương, NN&PTNT chủ động tổ

chức, quản lý hoạt động vận tải hàng hóa bảo đảm thông suốt và tuân thủ nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19.

Đặc biệt, Bộ GTVT yêu cầu Cục Y tế GTVT phối hợp với cơ quan của Bộ Y tế ưu tiên tiêm vaccine phòng COVID-19 cho đối tượng lao động trong lĩnh vực vận tải và logistics như: người điều khiển phương tiện, người phục vụ trên xe, nhân viên bốc, xếp dỡ hàng hóa, nhân viên vận tải liên tỉnh, đội ngũ lao động tại cảng biển, lực lượng thi công tại các công trường xây dựng giao thông.

Đối với Sở GTVT các tỉnh, thành phố, Bộ GTVT yêu cầu phối hợp với các sở, ngành chức năng của địa phương để thực hiện thống nhất các hướng dẫn của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành về việc phòng, chống dịch COVID-19 trong hoạt động vận tải; điều tiết, phân luồng phương tiện đảm bảo cho việc lưu thông thuận lợi, tránh gây ùn tắc giao thông.

Gần 214 triệu cổ phiếu VND sẽ được giao dịch bổ sung từ 17/8

Vinh Hoàn (VHC) vừa công bố báo cáo IR tháng 7/2021. Ghi nhận, trong kỳ VHC đạt doanh thu 765 tỷ đồng, tăng 21% so với cùng kỳ, đồng thời tiếp tục tăng 7% so với tháng 6 vừa qua. Trong đó, đóng góp chính vào đà tăng doanh thu là sản phẩm cá tra với mức tăng trưởng 27% so với tháng 7/2020, đạt 554 tỷ doanh thu.

Nhóm sản phẩm phụ liên quan (by-products) cũng tăng đáng kể 15% lên mức 125 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng cao thứ 2 trong tổng doanh thu VHC, sau sản phẩm chính là cá tra phi lê.

Sản phẩm chức năng (Wellness) cũng tăng trở lại 19%, đóng góp doanh thu vào khoảng 60 tỷ đồng.

Chiều ngược lại, dòng phụ phẩm (Value-added) giảm mạnh 31%, doanh thu tương ứng giảm từ mức 12 tỷ xuống còn 8 tỷ đồng. Dòng tạp phẩm (miscellaneous) cũng giảm 19% so với cùng kỳ.

Về thị trường xuất khẩu, kim ngạch sang Mỹ trong tháng 7 năm nay tiếp đà tăng mạnh 31% so với cùng kỳ năm ngoái, theo VHC thị trường này cải thiện đáng kể do sự tái hoạt động của nhà hàng cũng như ngành dịch vụ thực phẩm sau cao điểm dịch Covid-19 bùng phát.

VPBank sẽ là ngân hàng có vốn điều lệ lớn nhất Việt Nam

Chiều 12/8, VPBank tổ chức gặp gỡ online với các nhà phân tích chuyên nghiệp, nhà đầu tư cá nhân của thị trường chứng khoán Việt nam, chia sẻ về kết quả kinh doanh và các cột mốc đạt được

Tăng trưởng từ các nguồn thu nhập, quản lý chi phí hiệu quả, kết hợp tăng cường kiểm soát rủi ro trong nửa đầu năm 2021, lợi nhuận trước thuế ghi nhận hơn 9.000 tỷ đồng, tăng 37% so với cùng kỳ năm trước, tương đương 54% kế hoạch với nguồn thu đa dạng và quản lý chi phí hiệu quả. Lợi nhuận của ngân hàng riêng lẻ chiếm 88%.

Ngân hàng liên tục tăng trưởng quy mô, tạo đà vững chắc nâng tầm vị thế, nâng giá trị cho cổ đông. Kế hoạch tăng vốn dự kiến trong năm 2021 và đầu năm 2022 từ thương vụ bán 49% vốn điều lệ FE Credit cho Tập đoàn SMBC mang lại gần 1,4 tỷ USD, phát hành gần 2 tỷ cổ phiếu trị giá gần 20.000 tỷ đồng từ nguồn cổ tức và thặng dư vốn cổ phần và phát hành riêng lẻ 15% cho cổ đông chiến lược nước ngoài.

Với mức vốn điều lệ dự kiến tăng lên 75.000 tỷ đồng, VPBank sẽ vươn lên vị trí ngân hàng có vốn điều lệ lớn nhất và nằm trong top đầu về vốn chủ sở hữu. ROE đạt 25,7% và ROA đạt 3,3%. VPBank đã cho thấy sự hiệu quả trong hoạt động kinh doanh cùng với chiến lược phát triển linh hoạt và từng bước vững chắc vươn lên trở thành một trong những ngân hàng TMCP tư nhân hàng đầu Việt Nam.

Gelex dùng 21 triệu cổ phần PXL làm tài sản đảm bảo huy động trái phiếu

Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) vừa công bố kết quả chào bán trái phiếu riêng lẻ của CTCP Tập đoàn Gelex (Mã: GEX) với tổng trị giá là 300 tỷ đồng nhằm tăng quy mô vốn hoạt động, bổ sung vốn lưu động.

Trái phiếu có kỳ hạn 3 năm, không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và có đảm bảo bằng tài sản. Lãi suất cố định cho tất cả các kỳ là 8,5%/năm, kỳ trả lãi 6 tháng/lần.

Các tài sản đảm bảo cho lô trái phiếu trên gồm hơn 21 triệu cổ phần tại CTCP Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn (Mã: PXL) thuộc quyền sở hữu của Tổng CTCP Thiết bị điện Việt Nam và CTCP Hạ tầng Gelex và/hoặc bên thứ ba khác.

18 triệu cổ phần tại CTCP Thiết bị điện Gelex thuộc quyền sở hữu của Tổng CTCP Thiết bị điện Việt Nam; và các quyền lợi phát sinh từ các cổ phiếu nêu trên (cổ tức, cổ phiếu thưởng, cổ phiếu do chia tách,...). Tổng giá trị của tài sản bảo đảm là gần 460 tỷ đồng.

HNX cho biết kể từ ngày 19/5 tới 28/6 chỉ có duy nhất một nhà đầu tư tổ chức mua trọn lô trái phiếu trị giá 300 tỷ đồng nói trên.

Sonadezi Châu Đức (SZC) chốt ngày chia cổ tức tiền mặt 1.000 đồng/cp

CTCP Sonadezi Châu Đức (Mã: SZC) vừa cho biết ngày 20/9 là ngày đăng ký cuối cùng của cổ đông để nhận cổ tức tiền mặt năm 2020 tỷ lệ 10% (1.000 đồng/cp). Ngày giao dịch không hưởng quyền tương ứng là 17/9.

Với 100 triệu cổ phiếu đang lưu hành, ước tính SZC sẽ chi 100 tỷ đồng để thanh toán cho cổ đông, dự kiến thời gian chi trả ngày 11/10.

Về tình hình kinh doanh 6 tháng, SZC tiếp tục ghi nhận kết quả khả quan khi doanh thu thuần đạt 403 tỷ đồng, tăng 47% so với cùng kỳ. Lãi sau thuế đạt 189 tỷ đồng, tăng 51% và vượt con số lợi nhuận cả năm 2020.

Viconship: Thông qua chủ trương mua 36% cổ phần Cảng Vinalines Đình Vũ; Tổng Giám đốc xin từ chức

Liên quan đến kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm, doanh thu của Viconship đạt 912 tỷ đồng, tăng 14% so với cùng kỳ năm ngoái. Lợi nhuận trước thuế đạt 208 tỷ đồng, tăng 34%.

Năm 2021 công ty lên hai kịch bản kinh doanh. Kịch bản 1, doanh thu 1.700 tỷ đồng và 335 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế trong điều kiện thuận lợi. Kịch bản 2, trong trường hợp dịch bệnh diễn biến xấu bất thường và tiếp tục tình trạng thiếu hụt container rỗng, mục tiêu lợi nhuận trước thuế sẽ ở mức 296 tỷ đồng.

Như vậy kết thúc nửa đầu năm, Viconship đã thực hiện được gần 54% kế hoạch doanh thu và 62% mục tiêu lợi nhuận năm xét theo kịch bản 1.

Tuần trước, HĐQT Viconship đã họp và đề ra mục tiêu kinh doanh cho 6 tháng cuối năm cho từng đơn vị thành viên và toàn hệ thống công ty. HĐQT dự kiến sẽ hoàn thành và vượt mức kế hoạch năm được giao.

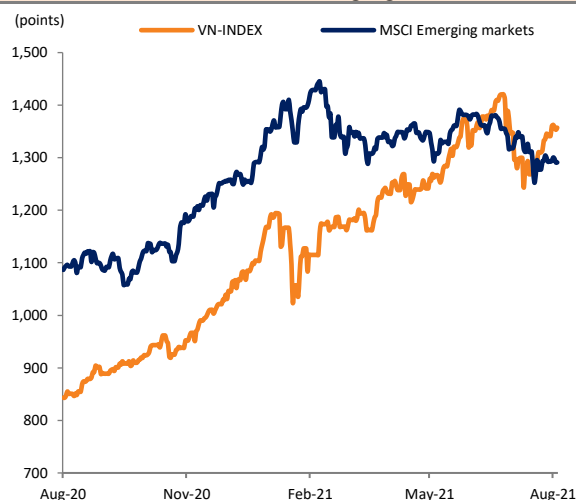
Ngoài ra, HĐQT cũng đã thông qua chủ trương mua 36% cổ phần của công ty Cảng Vinalines Đình Vũ từ cổ đông hiện hữu của công ty này. Hiện Vinalines Đình Vũ có vốn điều lệ 200 tỷ đồng. Ước tính giá trị khoản đầu tư này vào khoảng 72 tỷ đồng nếu tính theo mệnh giá cổ phần.

Nếu thương vụ này thành công, Viconship sở hữu 8 công ty con, ba công ty liên kết và ba chi nhánh.

Bản tin thị trường

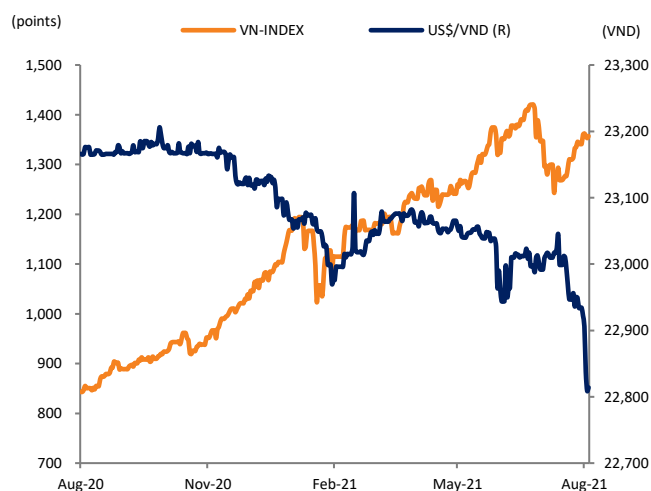
Chỉ báo tham khảo

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



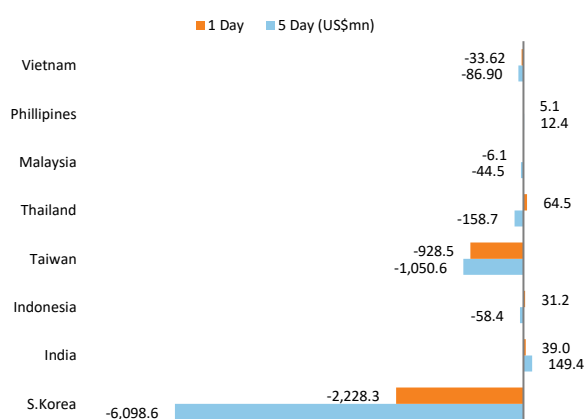
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



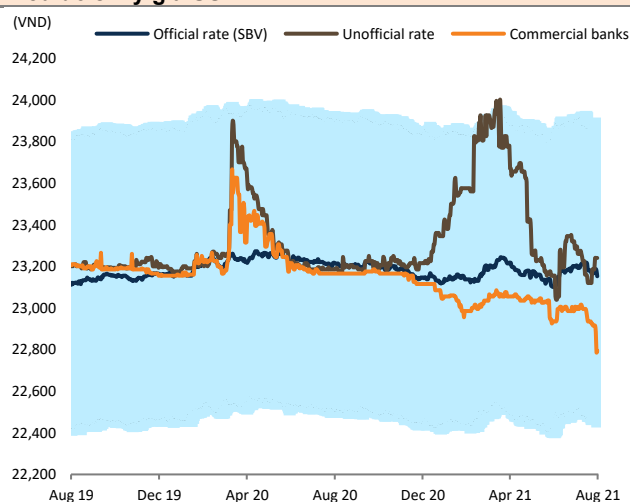
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



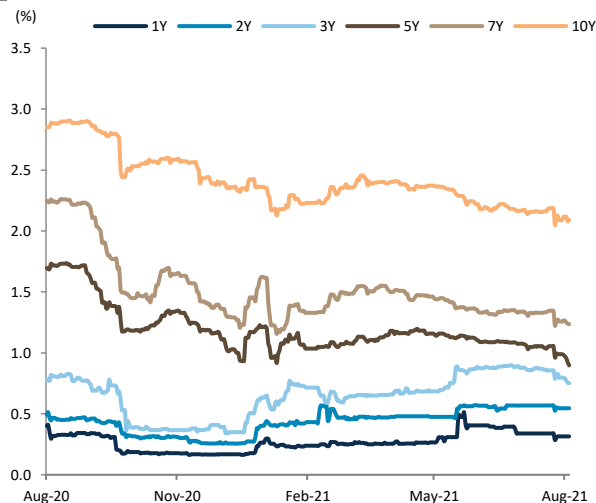
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



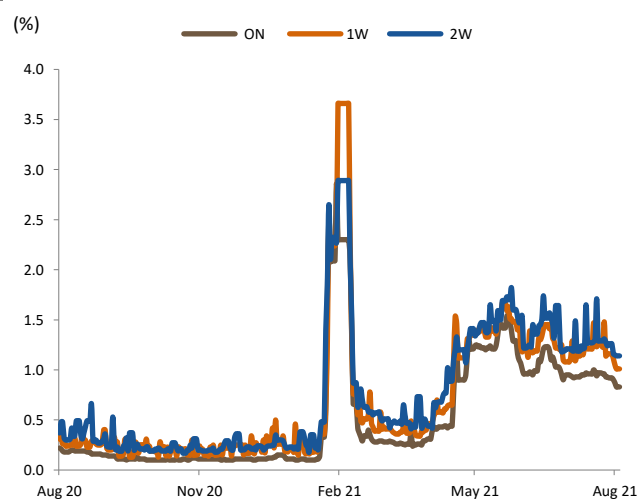
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN30 Index	VN30 Index	1,484.25	3,849,948		0.5	0.5	3.0	86.7	14.1	12.4	2.7	2.3	36.4	14.2	22.8	20.4
Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB VN	35,350	95,514	30.0	0.1	-0.6	7.4	125.3	9.9	8.3	2.1	1.7	27.4	19.3	24.2	22.6
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	42,550	171,137	16.7	-0.6	-0.8	0.4	7.3	18.1	13.3	1.9	1.6	62.2	36.8	12.0	14.6
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	54,400	40,382	26.9	-1.6	1.1	7.3	15.9	23.6	20.9	1.9	1.8	11.1	12.8	8.4	9.0
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	34,300	164,837	24.4	-0.3	0.4	-0.9	86.4	9.0	7.5	2.0	1.7	34.5	19.7	19.6	20.0
CTCP FPT	FPT VN	95,000	86,210	49.0	1.3	-1.7	9.2	127.8	20.8	17.3	4.7	4.1	27.2	20.3	25.0	25.9
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	93,000	177,997	2.7	-1.6	0.6	1.6	28.1	18.5	15.8	3.4	3.1	24.6	17.0	19.2	20.4
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	GVR VN	34,800	139,200	0.6	1.5	1.8	16.0	216.4	30.4	30.0	2.7	NA	21.3	1.4	9.2	9.0
Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM	HDB VN	34,750	55,383	18.4	-0.9	-0.7	2.4	111.6	10.1	8.4	1.9	1.6	29.3	20.2	21.2	20.1
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	48,650	217,608	26.7	0.5	0.5	6.9	168.1	7.5	7.5	2.4	1.8	126.7	0.2	38.6	28.4
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	41,800	26,045	30.8	3.5	1.0	15.2	96.7	21.6	15.8	2.8	2.4	3.2	37.2	14.0	16.7
Ngân hàng TMCP Quân đội	MBB VN	29,600	111,838	22.1	0.3	-0.2	-0.7	173.6	10.0	8.6	1.8	1.5	34.7	16.8	21.7	21.0
Tập đoàn Masan	MSN VN	133,500	157,601	33.5	-0.4	-0.7	16.1	145.4	51.7	31.6	7.9	6.2	145.1	63.3	13.6	19.0
CTCP Thế giới di động	MWG VN	171,000	81,271	49.0	0.6	-0.3	-2.3	108.0	16.3	13.4	4.0	3.4	21.4	21.4	26.1	26.4
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	103,500	152,518	9.6	-0.1	-3.7	-1.1	121.6	35.6	28.3	4.4	4.3	-0.8	26.0	16.2	13.0
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	91,600	44,588	3.9	-1.0	-2.0	5.3	381.7	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	52,900	65,798	17.6	-0.2	0.0	3.7	13.5	19.1	16.2	2.7	2.7	303.1	18.4	16.2	16.6
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	94,500	21,486	49.0	0.0	-1.8	-4.7	68.8	16.9	13.5	3.5	3.0	29.6	25.1	23.4	24.0
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	11,300	26,463	3.0	-0.4	2.7	7.1	13.7	12.7	11.3	0.9	0.8	-10.9	12.2	7.2	7.7
TCT CP Bía - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	SAB VN	151,800	97,346	62.7	-0.8	-2.2	-3.3	-17.0	19.4	16.9	4.2	3.8	9.4	15.3	24.2	24.4
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	59,000	38,640	50.6	2.3	4.6	13.9	297.3	29.4	23.9	4.3	4.0	2.3	23.0	14.1	14.5
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	29,700	55,991	15.9	0.3	-2.0	3.5	173.7	22.8	15.3	1.8	1.6	4.3	48.9	8.9	11.8
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	52,200	182,956	22.5	0.4	0.8	-3.2	163.6	11.1	9.4	2.0	1.7	33.8	18.2	20.1	19.5
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	36,400	39,009	30.0	0.0	2.5	4.6	108.3	8.4	6.9	1.7	1.3	26.8	22.1	22.2	21.5
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	99,600	369,404	23.6	-0.3	1.5	-3.7	20.0	16.3	13.8	3.2	2.6	36.7	18.0	21.7	21.4
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	120,000	394,742	23.8	2.6	5.4	9.6	51.1	12.9	11.4	3.4	2.7	11.6	13.1	31.9	27.6
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	110,900	375,112	15.1	-0.2	-2.1	7.7	26.0	60.2	59.4	4.2	3.8	8.9	1.4	9.3	8.2
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	118,000	63,910	18.3	-0.6	0.5	-1.6	16.1	157.3	24.1	3.5	2.8	472.5	552.9	3.8	16.6
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	89,900	187,887	55.0	-0.7	3.1	6.6	-7.3	18.5	17.3	5.7	5.5	1.7	7.4	32.6	33.6
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	63,600	156,122	15.4	2.7	5.0	-0.6	192.4	9.6	10.6	1.9	1.6	55.9	-10.2	25.1	17.8
CTCP Vincom Retail	VRE VN	28,000	63,625	30.2	0.0	0.2	0.5	4.3	26.4	19.5	2.1	1.9	1.1	35.6	7.5	10.0

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1W)	Vốn hóa (VND bn)	1D	Biến động giá (%)			P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
				1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN-Index	15.60	5,093,195	0.3	1.2	4.6	58.7	15.7	13.3	2.6	2.3	35.5	17.9	20.1	19.0
Ô tô và phụ tùng	0.04	9,128	0.0	1.8	16.0	70.4	7.4	6.6	1.4	1.3	30.6	11.4	12.6	12.9
Ngân hàng	2.60	1,645,708	0.1	0.6	-0.8	75.9	13.1	10.7	2.2	1.8	35.1	20.9	19.4	18.9
Xây dựng cơ bản	3.19	190,451	0.7	6.9	16.3	82.0	7.9	6.2	0.5	0.4	12.9	23.6	7.9	8.4
Dịch vụ thương mại	0.16	5,366	2.4	12.7	19.7	44.1	8.2	6.4	NA	NA	10.8	39.0	9.7	12.8
May mặc và trang sức	0.24	45,464	0.1	2.2	5.3	139.5	12.9	10.6	2.5	2.2	38.6	22.2	17.4	17.9
Dịch vụ tiêu dùng	0.13	8,641	0.2	3.8	10.1	45.3	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dịch vụ tài chính	1.45	101,638	3.0	5.8	14.2	277.4	18.2	14.3	2.9	2.6	19.0	28.7	12.7	13.7
Năng lượng	0.45	84,481	0.3	2.2	5.2	30.7	20.7	15.1	2.3	2.2	NA	34.3	14.0	14.5
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	1.38	539,528	-0.4	1.0	7.6	42.9	26.3	19.3	5.2	4.5	54.1	27.7	20.4	22.2
Dịch vụ và thiết bị y tế	0.04	1,005	3.6	22.1	34.0	39.3	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	0.00	1,879	-1.0	-0.7	4.5	8.0	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bảo hiểm	0.23	49,275	-1.5	1.8	8.5	24.1	20.5	18.3	1.7	1.6	14.7	11.5	7.8	8.3
Nguyên vật liệu	2.51	507,567	0.9	2.0	13.4	176.9	74.5	13.9	2.0	1.0	96.3	-4.1	24.2	18.7
Giải trí và truyền thông	-0.02	1,348	-0.7	-4.4	1.3	-27.4	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dược phẩm	-0.11	35,503	0.7	7.2	5.6	33.6	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bất động sản	2.06	1,234,127	-0.2	-1.1	1.3	22.1	8.6	7.4	1.4	1.0	6.0	15.1	8.5	9.2
Bán lẻ	-0.01	90,658	0.8	0.8	6.6	68.7	53.6	50.1	3.2	2.8	13.6	18.1	16.4	14.6
Phần mềm và dịch vụ	-0.42	91,490	0.6	0.0	-0.9	101.9	15.8	12.8	3.7	3.1	34.7	21.5	23.7	24.1
Thiết bị và phần cứng	0.06	7,059	1.3	-1.7	9.8	124.8	19.6	16.3	4.4	3.9	28.2	21.5	23.5	24.4
Dịch vụ viễn thông	0.03	1,395	0.1	3.0	18.6	275.8	16.5	13.5	4.6	3.5	56.0	22.0	30.8	24.8
Vận tải	0.81	180,324	-2.1	7.4	-15.8	221.1	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tiện ích	0.81	262,510	-0.1	2.2	9.5	51.2	65.6	12.7	21.5	1.6	NA	NA	-53.9	20.2

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 3: Các cổ phiếu tác động VN-Index

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1W)	Khối lượng	Điểm tác động
VHM VN	120,000	5.4	7,533,700	5.4
VPB VN	63,600	5.0	10,709,560	2.0
VNM VN	89,900	3.1	4,484,120	1.5
VCB VN	99,600	1.5	1,362,520	1.5
GVR VN	34,800	1.8	5,604,640	0.6
DPM VN	34,750	19.8	8,971,680	0.6
DIG VN	34,000	17.0	17,516,420	0.5
VGC VN	34,000	13.9	2,063,880	0.5
SSI VN	59,000	4.6	17,639,960	0.5
TCB VN	52,200	0.8	15,025,080	0.4

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1W)	Khối lượng	Điểm tác động
VIC VN	110,900	-2.1	2,477,020	-2.2
NVL VN	103,500	-3.7	2,895,180	-1.6
SAB VN	151,800	-2.2	204,460	-0.6
FPT VN	95,000	-1.7	4,503,300	-0.4
BID VN	42,550	-0.8	2,073,860	-0.4
VIB VN	40,800	-2.2	1,472,020	-0.4
MSN VN	133,500	-0.7	1,374,220	-0.3
STB VN	29,700	-2.0	24,466,760	-0.3
SSB VN	36,400	-2.0	2,230,360	-0.3
PDR VN	91,600	-2.0	3,075,340	-0.2

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.